

Bản án số: 20/2020/HSPT

Ngày: 28-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Văn Năm**

Các Thẩm phán:

1/ Ông **Nguyễn Hữu Tuấn**

2/ Bà **Nguyễn Thị Kim Chi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tô Thị Út** – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Châu** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2020/HSPT ngày 03/01/2020 đối với các bị cáo Lê Văn B1, Lê Văn B2, Lê Văn N. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 55/2019/HSST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Các bị cáo có kháng cáo:

1/ **Lê Văn B1**, sinh năm 1970 tại huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: ấp P B, xã Q T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ văn hóa: 1/12; Con ông Lê Văn H (chết) và bà Nguyễn Thị C; Vợ bị cáo là: Bùi Thị L, sinh năm 1969; Con có 03 người: lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 2001; Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giam, có mặt.

2/ **Lê Văn B2**, sinh năm 1986 tại huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: ấp P B, xã Q T, huyện Vũng Liêm, Vĩnh Long; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc:

Kinh; Tôn giáo: không ; Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ văn hóa: 9/12; con ông Lê Văn H (chết) và bà Nguyễn Thị C; Tiền sự: Không.

Tiền án: 01 lần. Ngày 17/7/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 06 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành án đến ngày 31/8/2015 được đặc xá.

Bị cáo bị tạm giam, có mặt.

3/ **Lê Văn N**, sinh năm 1974 tại huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: ấp P B, xã Q T, huyện Vũng Liêm, Vĩnh Long; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 5/12; con ông Lê Văn H (chết) và bà Nguyễn Thị C; Vợ bị cáo là Nguyễn Thị T, sinh năm 1973; Có 01 người con sinh năm 2000; Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo:

Ông Nguyễn Khương N – Luật sư của Văn phòng luật sư Khang Ninh, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 29/6/2018, Lê Văn B1 và Nguyễn Văn Hoàng A tham gia chơi lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền tại quán giải khát của anh Lê Hữu T thì xảy ra cự cãi với nhau; B1 dùng tay đánh Hoàng A 1 cái rồi cả 2 bỏ ra về. Hoàng A gọi điện thoại nói sự việc bị B1 đánh cho Nguyễn Chí T và Nguyễn Chí H biết. Chí T, Hoàng A cùng với Chí H đi tìm B1 để hỏi cho ra chuyện, Hoàng A và Chí T mỗi người cầm một con dao yếm. Hoàng A, Chí T, Chí H đi đến quán giải khát của anh Lê Hữu T tìm B1 thì biết được B1 đã về nhà. Chí T tiếp tục gọi điện thoại nhiều lần kêu B1 ra gặp nói chuyện việc B1 đánh Hoàng A. Sau đó ông Nguyễn Văn T (cha ruột của Hoàng A) và chị Đặng Thị Thu T (bạn gái của Chí T) hay biết sự việc nên cùng đi đến gặp Chí T, Chí H và Hoàng A để can ngăn, chị T lấy 02 con dao đi về.

Khi B1 về đến nhà mẹ ruột là bà Nguyễn Thị C thì T gọi điện thoại nói chuyện với B1, B1 mở loa điện thoại nên Lê Văn B2, Nguyễn Thị C và Trần Thị T (vợ N) cùng nghe. Lúc này B2 nằm trong phòng ngủ nghe biết sự việc, B1 có nói với B2, nội dung: “Hồi chiều tao có đánh Hoàng A một cái bây giờ Chí T kéo xuống”. Bà C và B2 khuyên B1 về sáng mai gặp nói chuyện. Lúc này B1 đi về được một đoạn thì quay lại nơi Chí T đã hẹn. B2 thấy vậy nên lấy con dao thái lan của bà C vắt vào người và đi theo B1. Khi ra tới đập thì B1 và B2 gặp nhau, B2 không ngăn cản mà cùng với B1 tiếp tục đi gặp Chí T.

Đối với N sau khi B2 và B1 vừa xuất phát đi trong tích tắc thì N đã đuổi theo B2 và B1.

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, B1, B2, N đi đến điểm hẹn thì gặp Chí T, Chí H và Hoàng A tại khu vực đầu đường đất tiếp giáp với đường lộ nhựa liên xã khu vực phía trước quán giải khát của anh Nguyễn Thành T. Tại đây B1 và Chí T lời qua tiếng lại, Chí T dùng cây đánh vào người của B1 một cái, B1 có la lớn “Chí T mày đánh tao hả Chí T”, cả 2 không dừng lại mà ẩu đã vật nhau xuống đất. Lúc này B2 cũng đánh ẩu đã với Hoàng A và Chí H. Sau khi B2 dùng dao đâm một nhát vào người của Hoàng A, (Hoàng A không còn kháng cự và chạy đi cấp cứu) thì B tiếp tục ẩu đã với Chí H. B2 dùng dao đâm vào người H một nhát H quay lưng bỏ chạy; B2 tiếp tục đâm vào phần vai phía sau của H một nhát. Khi Hoàng A và Chí H bỏ chạy, B2 nhìn thấy B1 còn đang vật ẩu đã với Chí T, B2 khom người xuống dùng dao đâm nhiều nhát vào người của Chí T cho đến khi Chí T không còn kháng cự được nữa. Những người chứng kiến thấy vậy la lớn: B2 Tè mày đâm chết Chí T rồi, thì B2 dừng lại. Trong lúc B1 và Chí T ôm giật dưới đất thì N có dùng khúc gỗ đánh Chí T hỗ trợ cho B1. Sau khi gây án xong B1, B2, N ra về. Trên đường về B2 và N đã ném con dao và khúc gỗ mất không tìm được. Hoàng A, Chí H, Chí T được đưa đi cấp cứu.

- Kết luận giám định tỷ lệ thương tích của Nguyễn Văn Hoàng A: là 05%.
- Kết luận giám định tỷ lệ thương tích của Nguyễn Chí H: là 28%.
- Kết luận giám định tỷ lệ thương tích của Nguyễn Chí T: là 22%.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Các bị cáo B1, B2, N đã bồi thường chi phí điều trị thương tích, tiền xe chuyển viện, thiệt hại sức khỏe, thiệt hại lao động cho Nguyễn Chí H số tiền 49.000.000 đồng; cho Nguyễn Chí T số tiền 26.000.000 đồng; cho Nguyễn Văn Hoàng A số tiền 35.000.000 đồng. Các bị cáo đã bồi thường xong. Các bị hại không yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 55/2019/HSST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, đã xử phạt các bị cáo B2 08 năm tù, bị cáo B1 06 năm tù, bị cáo N 05 năm tù về tội: Cố ý gây thương tích.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 26/11/2019 bị cáo Nhàn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 27/11/2019, bị cáo B2 và bị cáo B1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo B2 giữ nguyên kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, với lý do án sơ thẩm xử bị cáo là quá nặng, để sớm về lo cho gia đình. Bị cáo B1 giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do án sơ thẩm xử bị cáo là quá nặng; bị cáo chỉ có hành vi đồng phạm cùng với bị cáo B2, bị cáo N gây thương tích cho các bị hại; bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để sớm về sum họp gia đình và hòa nhập cộng đồng, khắc phục lỗi lầm.

Bị cáo N xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo với lý do là phía bị hại có hành vi gây kích động mạnh nên các bị cáo không kèm chế được dẫn đến B2 và B1 phải kháng cự mới xảy ra sự việc. Bị cáo chỉ là người đến can ngăn không cố ý đánh người cũng không gây thương tích, nên các bị hại cũng không đánh lại bị cáo. Bị cáo và các bị hại không có mâu thuẫn gì. Qua sự việc bị cáo cảm thấy có lỗi và cam kết sau này bình tĩnh tìm cách đối xử tốt hơn chứ không để xảy ra việc đáng tiếc như vậy nữa.

Kiểm sát viên nêu quan điểm giải quyết vụ án: phân tích hành vi phạm tội của các bị cáo, nguyên nhân, hậu quả mà các bị cáo đã gây ra; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ các bị cáo được hưởng mà cấp sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo. Đề nghị xét xử ba bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo nội dung án sơ thẩm đã xử. Đề nghị xử y án sơ thẩm đối với bị cáo B2 là 08 năm tù. Đề nghị sửa án sơ thẩm vì tại phiên tòa các bị cáo B1 và N thành khẩn khai báo nên cho hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử bị cáo B2 là 05 năm tù, xử bị cáo N là 03 đến 04 năm tù.

Luật sư nêu quan điểm bào chữa cho các bị cáo: Thống nhất với quan điểm Viện kiểm sát xử các bị cáo tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Đồng thời nêu ra tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo được hưởng ở điểm e, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, giảm hình phạt cho các bị cáo. Đối với bị cáo B1 đề nghị xử thấp nhất khung hình phạt, bị cáo N thì đề nghị cho hưởng án treo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Văn B1, Lê Văn B2, Lê Văn N thừa nhận vào ngày 29/6/2018 các bị cáo có đánh nhau và gây thương tích cho Nguyễn Chí T, Nguyễn Chí H, Nguyễn Văn Hoàng A như cáo trạng đã nêu là đúng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra. Các bị cáo thống nhất với kết luận giám định thương tích đối với H, T và Hoàng A là do các bị cáo gây ra cho các bị hại, đồng thời đã khắc phục hậu quả cho các bị hại xong.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của các bị cáo ở cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường cùng các tài liệu thể hiện trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo thống nhất với án sơ thẩm xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích”. Sau khi xử sơ thẩm các bị cáo kháng cáo.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây tổn hại cho sức khỏe của nhiều người cùng lúc, gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Cụ thể là gây thương tích cho H 28%, T 22% và Hoàng A là 5%. Nguyên nhân là do bị cáo B1 và Hoàng A mâu thuẫn khi chơi lắc tài xỉu, cự cãi và B1 đánh Hoàng A 1 cái, từ đó

phía Hoàng A cùng T, H đồng tình tìm B1 để giải quyết mâu thuẫn này. B1 đến gặp T, H và Hoàng A thì B2, N đi theo và giữa hai bên có lời qua tiếng lại. T dùng cây đánh B1 trước rồi cả hai ẩu đả vật lộn với nhau. N thì dùng khúc gỗ đánh T. Còn B2 tuy không phải là người khởi xướng việc đánh nhau, cũng không phải là người gây ra mâu thuẫn trong vụ án, nhưng vì nghe B1 nói sự việc mâu thuẫn với T, H, Hoàng A thì B2 lấy con dao là hung khí nguy hiểm đi theo B1 đến chỗ các bị cáo. Trong khi các bị cáo và các bị hại ẩu đả đánh nhau, B2 dùng dao mang theo đâm Hoàng A 1 cái, đâm H 2 cái, tiếp tục đâm nhiều nhát vào T đến khi nghe tiếng: “mày đâm chết Chí T rồi” thì B2 dừng lại. Việc sử dụng hung khí khi đánh nhau thể hiện sự côn đồ, xem thường pháp luật của các bị cáo. Các bị hại cũng có lỗi là hẹn các bị cáo để đánh nhau đồng thời chuẩn bị hung khí nguy hiểm nhưng được gia đình can ngăn lấy lại, các bị hại có đánh bị cáo B2 và B1 nhưng không gây thương tích. Bị cáo B2 có 1 tiền án về tội “Cố ý gây thương tích” chưa được xóa án tích nay lại tái phạm là tình tiết tăng nặng ở điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xét án sơ thẩm xử bị cáo B2 08 năm tù là không nặng vì B2 là người trực tiếp dùng hung khí nguy hiểm đâm liên tiếp cả 3 bị hại, hành động của bị cáo là quyết liệt. N và B1 tuy khai là không bàn bạc trước việc đánh các bị hại nhưng cùng giúp sức với B2 gây thương tích cho các bị hại, nên là đồng phạm. Bị cáo B1 cũng dùng hung khí để đánh nhau và giằng co ẩu đả với các bị hại. B1 là người gây ra mâu thuẫn đồng thời hẹn các bị hại để giải quyết mâu thuẫn này nên mức án đối với bị cáo B1 phải nghiêm hơn bị cáo N. Còn bị cáo N cũng là đồng phạm giúp sức trong vụ án nhưng bị cáo chỉ đánh T 1 cái để giải vây cho B2 và B1. N không có mâu thuẫn gì với các bị hại, các bị hại cũng không đánh lại N. N không cố ý đánh nhau với các bị hại nên là đồng phạm giản đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy nên áp dụng cho bị cáo B1 điểm s khoản 1 Điều 51, áp dụng cho bị cáo N điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo B1 và N.

Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ tòa sơ thẩm xử đã áp dụng nên cấp phúc thẩm không xem xét lại. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo B2 không cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới để tòa xem xét nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo B2. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo B1 và bị cáo N, sửa án sơ thẩm.

[3] Kiểm sát viên đề nghị là có căn cứ nên chấp nhận.

Chấp nhận một phần đề nghị của Luật sư bào chữa cho các bị cáo, giảm hình phạt cho bị cáo B1 và bị cáo N.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Do không chấp nhận kháng cáo của bị cáo B2 nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo B1 và bị cáo N nên hai bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

1/ Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn B1 và bị cáo Lê Văn N. Sửa án sơ thẩm về phần hình phạt.

Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn B1: 05 (Năm) năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 15/10/2019 được trừ thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/6/2018 đến ngày 27/8/2018.

Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn N: 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án (được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày 30/6/2018 đến ngày 09/7/2018).

2/ Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn B2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 55/2019/HSST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm đối với bị cáo B2.

Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134; Điều 17; Điều 38; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn B2: 08 (tám) năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 15/10/2019 được trừ thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/6/2018 đến ngày 27/8/2018.

3/ Án phí hình sự phúc thẩm:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo B2 phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

Bị cáo B1 và bị cáo N không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4/ Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

-TA+ VKSNDCC: 2;

-TANDTC: 1;

-VKSND TVL: 1;
-TA+Chi cục THA HVL: 2;
-SỞ TƯ PHÁP: 1,
-PHÒNG HS CAVL: 1;
-UBND xã QT, VL: 1;
-Bị cáo: 3;
-Phòng KTNV và THA: 1;
-Lưu hồ sơ vụ án: 4.

Lâm Văn Năm